TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:320A/2023/HNGĐ-ST
Ngày:16-6-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Công Minh

Ông Huỳnh Văn Phó

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 861/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T *trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tìm thấy tiếng nói chung. Anh chị đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 19/01/2007 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 12/05/2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H *đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh* H *không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên bị đơn chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 19/01/2007 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 12/05/2016 cho T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1642.. anh S vắng mặt anh S1 ngày 28/8/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm sống. Giữa anh chị không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay.

Thấy rằng, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt thể hiện không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 19/01/2007 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 12/05/2016. Hiện 02 con chung đang sống với chị T để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của 02 cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung của chị T, về cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị T và anh H có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 19/01/2007 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 12/05/2016 cho T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021254 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, chị T, anh H được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hồng Quyên